*Năm học : 2023-2024*

Tiết 13,14**- BÀI 8: ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI**

Ngày soạn : 01/11/2023

Ngày giảng : 6A- /11/2023 6B- /11/2023

6C- /11/2023 6D- /11/2023

Tiết 13 : Điều kiện tự nhiên và chế độ xã hội

Tiết 14: Những thành tựu văn hóa…..

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:

- Nêu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng ảnh hưởng đến sự hình hình của văn minh Ấn Độ.

- Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ cổ đại.

- Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.

2. Năng lực:

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết khai thác và sử dụng được các thông tin có trong tư liệu cấu thành nên nội dung bài học.

- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Nêu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng - mức độ biết.

+ Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ - mức độ hiểu.

+ Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ - mức độ biết.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế

3. Phẩm chất:

- Giáo dục sự tôn trọng những tín ngưỡng tôn giáo khác nhau khi nó trở thành niềm tin của một cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1**. Chuẩn bị của GV

- Giáo án giảng dạy theo phat triển năng lực

- Sách giáo khoa học sinh

- Sơ đồ chế độ đẳng cấp Vác-na

- Lược đồ nước Ấn Độ cổ đại, hình ảnh minh hoạ

- Máy tính, máy chiếu.

2. Chuẩn bị của HS

- Chuẩn bị sách giáo khoa, vở ghi và các thiết bị học tập khác theo yêu cầu của giáo viên

- Học sinh đọc trước SGK và trả lời các câu hỏi trong SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: HS dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HS bằng các câu hỏi và quan sát hình ảnh trong SGK.

- Học sinh lắng nghe và trả lời câu hỏi của giáo viên

- Đánh giá nhiệm vụ học tập: GV đánh giá câu trả lời của HS, chọn 1 sản phẩm làm tình huống dẫn vào bài mới: Tắm nước sông Hằng là một trong những lễ hội tôn giáo lớn nhất thế giới. Tín đồ Ấn Độ giáo tin tưởng rằng: nước ở sông Hằng linh thiêng sẽ tẩy rửa mọi tội lỗi của họ. Vì sao Ấn Độ - một cường quốc kinh tế hiện nay mà vẫn duy trì những phong tục cổ xưa như thế? Các con sông lớn đã có vai trò ra sao trong việc hình thành, phát triển nền văn minh Ấn Độ cổ đại? Cư dân Ấn Độ cổ đại đã có những đóng góp gì cho nhân loại? Để làm rõ điều đó, chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu bài học hôm nay – bài 8. Ấn Độ cổ đại!

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu mục I. Điều kiện tự nhiên**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được điều kiện tự nhiên, ảnh hưởng

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS quan sát lược đồ 7.2 và kết hợp đọc thông tin trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - GV treo bản đồ thế giới và bản đồ Ấn Độ (theo sách giáo khoa), yêu cầu HS xác định vị trí của Ấn Độ trên bản đồ và trả lời câu hỏi: | I. Điều kiện tự nhiên |
| *? Xác định vị trí địa lí của Ấn Độ cổ đại.* | - Ấn Độ cổ đại nằm ở khu vực Nam Á với 3 mặt giáp biển. Phía Bắc là những dãy núi cao như bức tường thành. Phía Đông Nam và Tây Nam giáp Ấn Độ Dương. |
| *? Nêu những nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn và sông Hằng.* | - Nét chính về điều kiện tự nhiên:  + Có sự hiện diện của các dòng sông lớn: sông Ấn, sông Hằng.  + Phía Tây và phía Đông là những đồng bằng châu thổ mà mỡ, trù phú được tạo nên bởi sự bồi đắp của sông Ấn và sông Hằng.  + Miền Trung và miền Nam là cao nguyên Đề-can với rừng rậm và núi đá hiểm trở  + Lưu vực sông Ấn khí hậu khô nóng, hiếm mưa; lưu vực sông Hằng lượng mưa nhiều, cây cối tươi tốt. |
| *? Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống với các quốc gia cổ đại trước đó mà em đã học?* | - Đặc điểm tự nhiên của Ấn Độ giống với Ai Cập và Lưỡng Hà (đều có các dòng sông lớn) |
| *? Điều kiện tự nhiên có tác động như thế nào đến sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại?* | **\*** Tác động của điều kiện tự nhiên:  - Địa hình phía Bắc; Đông Nam, Tây Nam được bao bọc bởi đại dương và núi cao hiểm trở ⇒ hạn chế được sự nhòm ngó của ngoại bang; góp phần bảo lưu bản sắc văn hóa.  - Các dòng sông lớn có vai trò lớn trong đời sống của cư dân Ấn Độ:  + Cung cấp nguồn nước dồi dào; nguồn thủy sản phong phú.  + Là những tuyến giao thông huyết mạch, liên kết giữa các vùng.  + Có vị trí rất linh thiêng trong tâm thức của người Ấn Độ.  - Sông lớn và các đồng bằng phù sa màu mỡ đã: thúc đẩy sự ra đời sớm của các nhà nước cổ đại ở Ấn Độ đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. |
| **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. |  |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trả lời câu hỏi.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. |  |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu mục II. Chế độ xã hội Ấn Độ cổ đại.**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được chế độ và sự phân chia đẳng cấp của Ấn Độ cổ đại

**b. Nội dung:** GV sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột, hướng dẫn các nhóm thực hiện nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.** | II. Chế độ xã hội Ấn Độ cổ đại |
| **Nhiệm vụ 1:** GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời các câu hỏi: |  |
| *? Người Ấn Độ bản địa đầu tiên là người nào? Họ đã làm gì ở hai bên bờ sông Ấn?* | - Khoảng 2500 TCN, người Ấn Độ bản địa đầu tiên là Dravida, họ đã xây dựng các thành thị dọc sông Ấn. |
| *? Vào năm 1.500 TCN, tộc người nào xâm nhập vào Bắc Ấn? Sau khi xâm nhập vào, họ làm gì với người bản địa Dravida?* | - Vào năm 1.500 TCN, tộc người Arya đã xâm nhập vào Bắc Ấn. Sau khi xâm nhập vào, họ đã thống trị người bản địa Dravida bằng chế độ đẳng cấp khắc nghiệt. |
| **Nhiệm vụ 2:** GV chia lớp thành các nhóm thảo luận về chế độ đẳng cấp với các câu hỏi: |  |
| *? Chế độ đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại được phân chia dựa trên những cơ sở nào?* | - Chế độ đẳng cấp Vác-na dựa trên sự phân biệt về chủng tộc và màu da |
| *? Qua sơ đồ hình 3, em hãy cho biết chế độ đẳng cấp chia xã hội Ấn Độ cổ đại thành mấy đẳng cấp? Hãy liệt kê? Đẳng cấp nào có vị thế cao nhất và đẳng cấp nào có vị thế thấp nhất?* | - Chế độ đẳng cấp Vác-na chia xã hội Ấn Độ cổ đại thành 4 đẳng cấp:  + Đẳng cấp Brama (gồm tng lữ - quý tộc)  + Đẳng cấp Ksatri (gồm vương công, vũ sĩ)  + Đẳng cấp Vaisia (gồm: nông dân, thợ thủ công, thương nhân)  + Đẳng cấp Suđra là những người bản địa da màu và những người thấp kém nhất trong xã hội.  - Đẳng cấp Brama có địa vị cao nhất; đẳng cấp Sudra có địa vị thấp kém nhất. |
| *? Mối quan hệ giữa các đẳng cấp này như thế nào?* | - Quan hệ giữa các đẳng cấp trong đời sống thường nhật được luật pháp quy định rất chặt chẽ:  + Những người khác đẳng cấp không được kết hôn với nhau.  + Những người thuộc đẳng cấp dưới buộc phải tôn kính và phục tùng những người thuộc đẳng cấp trên. |
| *? Em có nhận xét gì về chế độ đẳng cấp Vác-na?* | - Nhận xét: khắc nghiệt; tàn dư của chế độ đẳng cấp vẫn còn tồn tại trong xã hội Ấn Độ hiện tại. |
| **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. |  |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trả lời câu hỏi.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. |  |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

Tiết 14: Ngày giảng 16/11/2022

**Hoạt động 3: Tìm hiểu mục III. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu.**

**a. Mục tiêu:** HS rút ra được thành tựu văn hóa tiêu biểu

**b. Nội dung:** GV chia nhóm cho HS tìm hiểu những thành tựu văn hóa theo từng lĩnh vực

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.** | III. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu |
| **Nhiệm vụ 1:** GV chia nhóm yêu cầu HS theo dõi SGK và hoàn thiện sơ đồ tư duy về các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ. | **-** Lànơi khởi phát của: Phật Giáo, Ấn Độ giáo…  - Chữ viết: chữ Phạn (San-krít).  - Văn học: 2 bộ sử thi nổi tiếng là: Mahabharata và Rammayana.  - Lịch pháp học: chia 1 năm làm 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày, sau 5 năm có thêm 1 tháng nhuận.  - Khoa học tự nhiên  + Toán học: sáng tạo ra hệ thống chữ số từ 0 – 9  + Y học: biết sử dụng thuốc tê, thuốc mê khi phẫu thuật…  - Lĩnh vực kiến trúc: chùa hang A-gian-ta; cột đá A-sô-ca… |
| **Nhiệm vụ 2:** GV chia thành nhóm nhỏ (nhóm 2 người) thảo luận một số câu hỏi trong sách giáo khoa: |  |
| *? Hãy kể tên một số thành tựu về văn hóa của Ấn Độ cổ đại có ảnh hưởng đến Việt Nam.* | - Một số thành tựu văn hóa của Ấn Độ có ảnh hưởng đến Việt Nam:  + Phật giáo, Ấn Độ giáo  + Chữ Phạn  + Các phong cách kiến trúc, điêu khắc (theo phong cách tạo hình của Phật giáo, Ấn Độ giáo…) |
| *? Em hãy cho một ví dụ về một phép toán có sử dụng thành tựu số 0 của Ấn Độ cổ đại.* | - Ví dụ về phép toán có sử dụng thành tựu số 0 của Ấn Độ:  1 + 0 = 1  1 – 0 = 1 |
| **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. |  |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trả lời câu hỏi.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. |  |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi phần luyện tập SGK.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi phần vận dụng trong SGK.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

**\* DẶN DÒ:**

- Học bài, trả lời câu hỏi sách giáo khoa, hoàn thành phiếu bài tập

- Tìm hiểu trước nội dung kiến thức bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII

……………………………………………..